

Bản án số: 449/2022/HC-PT
Ngày 20 tháng 6 năm 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 490/2022/TLPT-HC ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 764/2022/QĐPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lương Thị A, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Ấp 3, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hà Triệu Ph, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường Ch, Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh T - Viên chức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đ (có mặt).

2/. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn U; Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Long An: Ông Trần Thanh S; Chức vụ: Phó trưởng Phòng quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Tổng Công ty đầu tư phát triển I (Tổng Công ty I); Địa chỉ trụ sở: đường Ng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Vân A - Chuyên viên (có mặt).

2/. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng L; Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 1 (tuyến tránh), Phường 6, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

3/. Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn X; Chức vụ: Chủ tịch UBND xã H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4/. Ông Hà Văn A, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Ấp 3, xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Ông Hà Triệu Ph, sinh năm 1983 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị A và ông Hà Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện bà Lương Thị A yêu cầu Tòa án hủy một phần các quyết định hành chính:

- Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông (bà) Lương Thị A.

- Quyết định số 9371/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với ông (bà) Lương Thị A.

- Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu công nghiệp H do Tổng công ty đầu tư phát triển I - TNHH MTV và Công ty CP Đầu tư Xây dựng L làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ.

- Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu Công nghiệp H do Tổng công ty I làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ.

- Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để bồi thường đối với các trường hợp chưa có quyết định thu hồi thuộc dự án Khu công nghiệp H do Tổng công ty I làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ.

Lý do:

Thứ nhất, trong bảng chiết tính Đợt 5 kèm theo Quyết định số 9371/QĐ-UBND đã tính sai số tiền ở mục 1, phần II, về mặt tính toán thì tổng số tiền ở mục này phải là 34.347.000 đồng nhưng bảng chiết tính chỉ có 15.624.000 đồng, đã thiếu đi số tiền 18.723.000 đồng.

Thứ hai, các thửa đất 1220, TĐĐ số 07 của bà Lương Thị A đều có tiếp giáp với đường bờ kênh Xáng nhỏ theo Mảnh trích đo địa chính số 11-2017 được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 17/7/2017; nhưng ban bồi thường chỉ tính thửa 1220 của bà A tiếp giáp với kênh 11 mà không tiếp giáp với kênh Xáng nhỏ là không đúng hiện trạng thực tế; Đồng thời khi áp giá đền bù lại tính 50m đầu có đơn giá bồi thường khác sau 50m là không hợp lý.

Thứ ba, mức giá bồi thường lại thấp hơn giá chuyển nhượng thực tế đến 10 lần (chênh lệch vượt quá 30%) là không đúng quy định tại Điều 13 Nghị định 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể người khởi kiện yêu cầu áp dụng giá bồi thường đất ở tại khu vực giáp ranh là 8.700.000 đồng/m²; giá đất nông nghiệp 2.049.000 đồng/m²; hệ số hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định là 04 lần; các đơn giá này áp dụng trọn thửa đất, không phân chia 50m đầu và 50m sau.

Ngoài ra, còn yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Long An về việc Ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Long An; Yêu cầu đưa Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá tỉnh Long An, Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản TV tham gia tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo văn bản số 2659/UBND-NC ngày 09/3/2020 của người bị kiện UBND huyện Đ và quan điểm bảo vệ của người bị kiện: UBND huyện Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

Lý do:

Thứ nhất, Theo các Mảnh trích đo địa chính của dự án thể hiện vị trí thửa 1220, TĐĐ số 07 có một phần diện tích nằm trong phạm vi 50m đầu, nhưng không tiếp giáp với bờ kênh Xáng nhỏ mà tiếp giáp với thửa 1221 của ông Hà Văn A (thửa 1221 tiếp giáp với bờ kênh Xáng nhỏ) và một phần diện tích của thửa 1220 của bà A có tiếp giáp với đường bờ kênh 11. Vì vậy, UBND huyện Đ áp giá bồi thường đối với thửa 1220 là đất tiếp giáp với đường bờ kênh 11 là phù hợp.

Thứ hai, việc xác định giá đất: Căn cứ khoản 1 Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*Căn cứ nguyên tắc định giá đất theo Điều 112 Luật Đất đai, phương pháp định giá đất quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định 44 và kết quả tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường, UBND cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể*”. Theo đó, UBND tỉnh Long An đã phê duyệt đơn giá của từng vị trí đất, loại đất trong toàn dự án. Trên cơ sở phê duyệt đơn giá của UBND tỉnh Long An, UBND huyện Đ ban hành các Quyết định bồi thường do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Lương Thị A là phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Thứ ba, phần đất tiếp giáp đường bờ kênh 10 có trái đá xanh (do Nhà nước và nhân dân cùng làm) và đường bờ kênh Xáng nhỏ có trái đá xanh (do gia đình bà A tự làm). Các tuyến kênh và bờ kênh hai bên đã hình thành từ nhiều năm, được sử dụng để tiêu thoát nước, cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và vận chuyển đường thủy. Qua nhiều năm bờ kênh đã bị sạt lở, UBND xã H đã vận động nhân dân đóng góp để xây dựng cầu và cải tạo các tuyến bờ lênh thành đường đất, đường trái sỏi đỏ, đường trái đá xanh và hình thành đường đi chung của cộng đồng dân cư cho đến nay. Theo Biên bản khảo sát từ ngày 11 đến 13/01/2017 của UBND xã H và các ngành chức năng của huyện thì bờ kênh 10 có hiện trạng là đường trái đá xanh. Đất của bà A tiếp giáp với thửa 1221 của ông A (chồng của bà A) có tiếp giáp với bờ kênh Xáng nhỏ, hiện trạng bờ kênh Xáng nhỏ có trái đá xanh là do gia đình ông A tự làm để thuận tiện đi lại trong mùa mưa nên Nhà nước không Ap giá theo yêu cầu của bà A là có cơ sở.

Thứ tư, việc Nhà nước áp giá bồi thường đối với diện tích thuộc phạm vi 50m đầu khác với diện tích đất thuộc phạm vi từ 50m trở về sau là căn cứ vào mục A, quy định chung bảng giá đất các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Long An; khoản 1 Điều 1 Quyết định 4307/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh Long An.

Theo văn bản trình bày số 5282/UBND-NCTCD ngày 01/09/2020 của người bị kiện UBND tỉnh Long An thể hiện ý kiến như sau: UBND tỉnh Long An ban hành các Quyết định 1141/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 về việc phê duyệt phương án hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu Công nghiệp H do Tổng Công ty đầu tư phát triển I - CTCP và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng L làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H; Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu Công nghiệp H do Tổng Công ty I làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ, tỉnh Long An và Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để bồi thường đối với các trường hợp chưa có quyết định thu hồi thuộc dự án Khu công nghiệp H do Tổng công ty I làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ căn cứ các cơ sở như sau: Cơ sở pháp lý căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Về giá đất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Về trình tự thẩm định phương án hệ số điều chỉnh giá đất thực hiện theo quy định

tại Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất. Về phương pháp định giá đất thực hiện đúng theo điểm d Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-NTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Kết quả thẩm định giá đất trên cơ sở đề nghị của UBND huyện Đ, ý kiến thống nhất của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh về giá đất thực tế chuyển nhượng trên thị trường và có cân đối giá đất so với dự án lân cận có mục đích sử dụng và vị trí tương đồng. Về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất thực hiện đúng theo Điều 112 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vì vậy UBND tỉnh Long An ban hành các Quyết định trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A hủy các quyết định trên của UBND tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Tổng Công ty đầu tư phát triển I (Tổng Công ty I) và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng L do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Qua rà soát, tập hợp các quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường và các chứng từ có liên quan đối với hộ dân có quyền sử dụng đất thuộc dự án, chủ đầu tư khẳng định các quyết định này phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- UBND xã H có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án số 32/2021/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng các Điều 66, 69, 71, 74 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A, hủy Quyết định số 9371/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Lương Thị A.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất cho bà Lương Thị A theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A về việc yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy

ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông (bà): Lương Thị A; Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu công nghiệp H do Tổng công ty đầu tư phát triển I-TNHH MTV và Công ty CP Đầu tư Xây dựng L làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ; Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu Công nghiệp H do Tổng công ty I làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ; Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để bồi thường đối với các trường hợp chưa có quyết định thu hồi thuộc dự án Khu công nghiệp H do Tổng công ty I làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Cùng ngày 21 tháng 05 năm 2021 người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lương Thị A và người liên quan ông Hà Văn A cùng kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, lý do: Tòa sơ thẩm thực hiện việc xem xét, thẩm định chưa đúng quy định, đưa không đầy đủ những người tham gia tố tụng; không đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của các văn bản quy phạm pháp luật; chưa đánh giá chứng cứ là vi bằng số 1725/2020/VB-TPLHBC ngày 08/7/2020 về tuyến đường trái đá xanh và không đồng ý nhận định việc thu hồi đất là đúng đối tượng sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa, người liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. Xét về tính hợp pháp và tính có căn cứ của các Quyết định số

9245/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Lương Thị A; Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu công nghiệp H do Tổng công ty đầu tư phát triển I-TNHH MTV và Công ty CP Đầu tư Xây dựng L làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ; Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu Công nghiệp H do Tổng công ty I làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ; Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để bồi thường đối với các trường hợp chưa có quyết định thu hồi thuộc dự án Khu công nghiệp H do Tổng công ty I làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ; thấy rằng:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện đều phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời đều là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Xét lý do yêu cầu kháng cáo hủy bản án sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lương Thị A, người liên quan ông Hà Văn A:

[3.1]. Về việc đưa thiếu người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo yêu cầu đưa Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá tỉnh Long An, Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản TV tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thấy rằng, các cơ quan này chỉ là cơ quan tham mưu cho bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành các quyết định hành chính đang được xem xét; Đồng thời việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của những cơ quan này. Nên tòa sơ thẩm không đưa Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá tỉnh Long An, Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản TV vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[3.2]. Về xem xét, thẩm định tại chỗ:

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2020 của Tòa án sơ thẩm thể hiện: Hiện trạng thửa 1221 không còn do mở rộng lộ; về chiều ngang con đường đá xanh có liên quan đến con kênh rộng khoảng 20m nên cán bộ địa chính xã từ chối đo đạc theo yêu cầu của người khởi kiện; Thấy rằng, quá trình khảo sát, lập phương án bồi thường, quyết định thu hồi đất phía bà A không đặt ra hay khiếu nại về diện tích đất bị thu hồi, bà A chỉ yêu cầu về giá đất bồi thường. Hơn nữa, hiện trạng đất thực tế đã bị thay đổi nên việc yêu cầu hủy án để xem xét, thẩm định tại chỗ là không cần thiết.

[3.3]. Về đối tượng thu hồi đất và xem xét nguồn chứng cứ là Vi bằng số 1725/2020/VB-TPLHBC ngày 08/7/2020 về tuyến đường trải đá xanh do người kháng cáo cung cấp, thấy rằng:

Thực hiện chủ trương thành lập Khu Công nghiệp H theo Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh Long An. Các thửa đất 1220, 1226, cùng TĐĐ số 07 thuộc quyền sử dụng của bà Lương Thị A nằm trong khu quy hoạch KCN H. Ngày 17/12/2018 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 9245/QĐ-UBND để thu hồi 02 thửa đất trên để thực hiện dự án là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 28, 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương và Điều 66, 69 của Luật Đất đai. Diện tích đất mà bà A bị thu hồi tại các thửa đất 1220, 1226, cùng TĐĐ số 07 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 30/8/2005 và 10/10/2002 là phù hợp với thực tế sử dụng đất. Nên yêu cầu kháng cáo cho rằng không đúng đối tượng thu hồi đất là không có căn cứ.

Đối với tính có căn cứ của Vi bằng số 1725: Người kháng cáo cho rằng thửa đất 1220, 1226 có giáp ranh với đường bờ kênh trải đá xanh; Phía UBND huyện Đ cho rằng thửa 1220, 1226 giáp ranh với thửa 1221 của ông A (chồng của bà A), còn hiện trạng đường bờ kênh trải đá xanh là do gia đình ông A tự làm. Thấy rằng, phần diện tích đất của bà A bị thu hồi có hiện trạng thực tế tiếp giáp đường bờ kênh 10 có trải đá xanh (do Nhà nước và nhân dân cùng làm) và đường bờ kênh Xáng nhỏ có trải đá xanh (do gia đình bà A tự làm). Các tuyến kênh và bờ kênh hai bên đã hình thành từ nhiều năm, được sử dụng để tiêu thoát nước, cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và vận chuyển đường thủy. Qua nhiều năm bờ kênh đã bị sạt lở, UBND xã H đã vận động nhân dân đóng góp để xây dựng cầu và cải tạo các tuyến bờ thành đường đất, đường trải sỏi đỏ, đường trải đá xanh và hình thành đường đi chung của cộng đồng dân cư cho đến nay. Theo Biên bản khảo sát từ ngày 11 đến 13/01/2017 của UBND xã H và các ngành chức năng của huyện Đ thể hiện: *“bờ kênh 10 có hiện trạng là đường trải đá xanh, còn đất của bà A có tiếp giáp với bờ kênh Xáng nhỏ, hiện trạng bờ kênh Xáng nhỏ có trải đá xanh là do gia đình ông A tự làm để thuận tiện đi lại trong mùa mưa”*. Do đó việc Nhà nước áp giá một phần diện tích nằm trong phạm vi 50m đầu và một phần diện tích nằm trong 50m sau là phù hợp.

[3.4]. Việc Tòa sơ thẩm không đề nghị xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Long An về việc Ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Long An; thấy rằng:

Theo khởi kiện bổ sung ngày 21/9/2020, thì người khởi kiện có yêu cầu hủy Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Long An. Ngày 19/12/2014 Tòa sơ thẩm đã ra Thông báo số 72/2020/TB-TA trả lại đơn khởi kiện đối với yêu cầu trên với lý do Quyết định 60 không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, phía bà A cũng không có khiếu nại đối với thông báo trả đơn này của Tòa án nên Tòa sơ thẩm không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4]. Từ những phân tích và nhận định trên, thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lương Thị A, ông Hà Văn A là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lương Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A. Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A, hủy Quyết định số 9371/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Lương Thị A.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất cho bà Lương Thị A theo quy định pháp luật.

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A về việc yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 9245/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất đối với ông (bà) Lương Thị A; Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu công nghiệp H do Tổng công ty đầu tư phát triển I - TNHH MTV và Công ty CP Đầu tư Xây dựng L làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ; Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện dự án Khu Công nghiệp H do Tổng công ty IDICO - CTCP làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ; Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để bồi thường đối với các trường hợp chưa có quyết định thu hồi thuộc dự án Khu công nghiệp H do Tổng công ty IDICO - CTCP làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2/. Bà Lương Thị A, ông Hà Văn A được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Công Mười

Lê Thành Văn

Chung Văn Kết